

Bản án số: **09/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/01/2026

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trầm;

2. Bà Lê Thị Phương Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-HN ngày 08/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị Ngọc A**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ vào ngày 25/6/2019. Quá trình chung sống, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, do anh V cờ bạc, chửi mắng vợ con, chị và anh V đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2008 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 17/4/2014. Hiện cháu T đang sống chung với chị, cháu B sống với anh V. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, đồng ý để cháu B cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Anh V đã được triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị Á xin ly hôn là có căn cứ do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị Á tiếp tục nuôi, giao cháu B cho anh V trực tiếp nuôi. Chị Á và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Ngọc A và anh Nguyễn Anh V sống chung với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ vào ngày 25/6/2019 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Anh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc A; Hội đồng xét xử nhận thấy chị A khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, do anh V cờ bạc, chửi mắng vợ con, chị và anh V đã ly thân từ năm 2023 đến nay, hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn hạnh phúc nên chị kiên quyết ly hôn. Xét lời khai của chị A thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được nên chị A xin ly hôn là có căn cứ. Phía anh V đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không có ý kiến khác phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị A nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2008 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 17/4/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, đồng ý để cháu B tiếp tục sống với anh V, anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giữ gìn chị và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị A là có căn cứ, bởi lẽ cháu T đang sống với chị, cháu B đang sống với anh V. Cháu T có nguyện vọng muốn sống với chị A, cháu B có nguyện vọng sống với anh V nên cần để ổn định cho các cháu về nơi ở và sinh hoạt mọi mặt nên chấp nhận yêu cầu của chị A. Anh V không tranh chấp về nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chị A và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A được quyền ly hôn đối với anh V.

1.2. Về con chung: Chị A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2008; giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày

17/4/2014 cho anh V tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0006090 ngày 27/10/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị A và anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT (thay báo cáo);
- VKSND KV3-DT (để giám sát);
- CCTHADS tỉnh DT (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Châu Thành;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil